

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**TRƯƠNG THỊ HAI**

**HÒA GIẢI TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG  
QUA THỰC TIỄN GIẢI QUYẾT TẠI  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế**

**Mã số: 8380107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2018**

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Lê Thị Nga**

Phản biện 1: PGS. TS Nguyễn Duy Phương

Phản biện 2: PGS. TS Trần Thị Huệ

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Những đóng góp mới của luận văn .....	5
7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu .....	5
8. Cơ cấu của luận văn.....	6
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN.....</b>	<b>7</b>
1.1. Khái niệm hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	7
1.2. Nguyên tắc của hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	9
1.3. Vai trò của hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	9
1.4. Yêu cầu và các yếu tố tác động đến thủ tục hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân .....	10
1.4.1. Yêu cầu của hòa giải trong vụ án hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	10
1.4.2. Các yếu tố tác động đến thủ tục hòa giải trong vụ án hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.....	11
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI VỤ ÁN TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.....</b>	<b>12</b>
2.1. Quy định pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng tổ tụng tòa án.....	12
2.1.1 Hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.....	12
2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. ....	14
2.3. Đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng .....	18
<b>Chương 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG.....</b>	<b>22</b>
3.1. Quan điểm và phương hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	22

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng.....	23
3.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng .....	24

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua hoạt động hòa giải hợp đồng tín dụng bằng Tòa án ở Việt Nam nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Để nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải của Tòa án trong giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Đà Nẵng cần nhận diện rõ thực trạng tranh chấp hợp đồng tín dụng và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

Tranh chấp tín dụng, ở góc độ một tranh chấp dân sự, cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật duy nhất là thông qua Tòa án khởi kiện một vụ án dân sự. Còn ở góc độ một tranh chấp thương mại, cơ chế giải quyết tranh chấp có hiệu lực pháp luật rất đa dạng với nhiều phương thức như hòa giải thương mại<sup>1</sup>, Trọng tài và Tòa án. Cho đến nay, dù ở góc độ một tranh chấp dân sự hay một tranh chấp thương mại, phương thức giải quyết tranh chấp tín dụng thông qua Tòa án rõ ràng được các bên ưu tiên sử dụng. Chính vì thế, tranh chấp tín dụng là dạng tranh chấp phổ biến nhất hiện nay được giải quyết tại Tòa án nhân dân các cấp.

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 có hiệu lực thi hành, thẩm quyền giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng đều thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân (TAND) cấp huyện, trừ trường hợp có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp ra nước ngoài hoặc được cấp tỉnh lấy lên để giải quyết.

Cũng trong giai đoạn này, nền tín dụng nước ta có rất nhiều biến động, lãi suất tăng cao trong khi doanh nghiệp sản xuất không hiệu quả, nợ xấu, nợ tồn đọng, nợ khó đòi vượt ngưỡng. Án tranh chấp tín dụng vì thế mà tăng cao về số lượng và tính phức tạp trong khi chuyên môn của Thẩm phán cấp huyện, vốn phải giàn trải để giải quyết tất cả các loại vụ việc từ hình sự, hành chính, dân sự, lao động, hôn nhân gia đình cho đến kinh tế, khó có thể đáp ứng trọn vẹn yêu cầu, đòi hỏi của tình hình. Lúc này, thủ tục hòa giải tranh chấp tín dụng tại Tòa án như là một cứu cánh cho chính các bên trong quan hệ tranh chấp tín dụng, cũng như cho chính Tòa án nhằm bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị - chuyên môn.

Mặc dù, vấn đề hòa giải tranh chấp tín dụng tại Tòa án không mới, nhưng trong tình hình mới, đặc biệt ở một địa phương có kinh tế tư nhân phát triển rất mạnh như Đà Nẵng, vấn đề này ngày càng trở nên phức tạp,

---

<sup>1</sup> Nghị định số 22/2017/NĐ – CP ngày 24/02/2017 của Chính Phủ về hòa giải thương mại.

ngày càng khó để hòa giải thành được một vụ án. Bên cạnh đó, Tòa án hai cấp thành phố Đà Nẵng vẫn mắc phải những sai sót về thủ tục tố tụng và nội dung, dẫn đến việc bị kháng nghị, bị sửa hoặc bị hủy. Vì vậy việc hòa giải các tranh chấp Hợp đồng tín dụng từ thực tiễn giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chưa đạt hiệu quả, chưa đạt chỉ tiêu của ngành cấp trên giao, có một số vụ đã hòa giải thành đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nhưng sau đó bị hủy do vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó tôi chọn đề tài: ***“Hòa giải tranh chấp Hợp đồng tín dụng qua thực tiễn giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng”*** làm luận văn tốt nghiệp thạc sỹ.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án là một vấn đề cấp thiết, hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về giải quyết tranh chấp tín dụng bằng phương thức Tòa án, như:

- Luận văn thạc sỹ luật học năm 2016 *“Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội”* của tác giả Hồ Thị Khuyên – Khoa Luật Trường Đại học quốc gia Hà Nội;

- Luận văn thạc sỹ luật học năm 2016 *“Giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ”* của tác giả Trần Tuấn Anh – Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam

- Luận văn thạc sỹ luật học năm 2016 *“Hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại từ thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng”* của tác giả Đặng Ngọc Hưng – Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Các công trình trên phần nào có đóng góp quan trọng vào việc hoàn thiện pháp luật liên quan đến nội dung hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng, ở các góc độ tranh chấp thương mại.

- Luận văn thạc sỹ luật học năm 2016, *giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng phương thức Tòa án từ thực tiễn tỉnh Quảng Nam* của tác giả Đỗ Thị Thương - Học viện khoa học xã hội - Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Luận văn đã nêu lên được những vấn đề lý luận cũng như thực trạng pháp luật và thực tiễn giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng phương thức tòa án trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, đồng thời luận văn đưa ra định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng phương thức tòa án qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Nam.

Bên cạnh đó, còn rất nhiều bài viết đăng lên các báo: Như bài viết

trên báo pháp luật ngày 03 tháng 3 năm 2016 về hòa giải trong việc giải quyết các vụ việc kinh doanh - thương mại: “Gỡ” khó cho các tranh chấp; báo pháp luật Hậu Giang ngày 28 tháng 12 năm 2017 chuyên đề: “Tòa án chú trọng công tác hòa giải” bài của Phi Yên; báo nhân dân ngày 09 tháng 02 năm 2018 về “kinh nghiệm hay về hòa giải án dân sự từ cơ sở” bài viết của Thái Anh; bài viết trên Tạp chí Tòa án nhân dân ngày 21/3/2018 về “Tiêu chí xác định hòa giải thành” bài viết của Ngọc Trâm... Các công trình nghiên cứu này đã góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng. Từ các công trình nghiên cứu trên tôi kế thừa những vấn đề lý luận về giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn không có công trình nào đề cập trực tiếp đến pháp luật và hoạt động áp dụng pháp luật hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Thực tiễn cho thấy, với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay của thành phố, vấn đề hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng rất phức tạp, nhiều vụ án đã được giải quyết có hiệu lực pháp luật mà bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, giám đốc thẩm nên bị hủy, có vụ án đã hòa giải thành, Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nhưng bị hủy do vi phạm thủ tục tố tụng lý do vi phạm là khi tiến hành hòa giải vụ án, Tòa án đưa thiếu người tham gia tố tụng. Để thủ tục hòa giải đạt hiệu quả, thì thủ tục hòa giải phải cần được mở xẻ, nghiên cứu sâu rộng nhằm bảo đảm giải quyết chính xác, kịp thời, đúng pháp luật các tranh chấp hợp đồng tín dụng nhằm thực hiện tốt đề án “*Xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng*”, bảo đảm quan hệ tín dụng được thông suốt, quan hệ dân sự, thương mại giữa các chủ thể dân sự, chủ thể kinh doanh và tổ chức tín dụng phát triển tốt đẹp, từ đó góp phần vào sự phát triển chung của ngành và thành phố, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta thông qua hệ thống các cơ quan Tòa án.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là thông qua việc nghiên cứu, phân tích một cách có hệ thống các quy định về hòa giải trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng như thực tiễn áp dụng các quy định này tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; làm rõ bản chất của thủ tục hòa giải trong quá trình giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng,

luận giải những cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án ở nước ta.

### *3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng phương thức hòa giải tại Tòa án; Nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về hòa giải trong thủ tục giải quyết các vụ án chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án;

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về hòa giải trong thủ tục giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án;

- Nhận xét, đánh giá và nêu phương hướng cũng như một số biện pháp cụ thể nhằm xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân(TAND).

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### *4.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu luận văn là những vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật Việt Nam về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

### *4.2. Phạm vi nghiên cứu*

Không gian: Nghiên cứu hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng (HĐTD) từ thực tiễn giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Thời gian: Số liệu khảo sát thực tiễn ngày 01/10/ 2013 đến 31/8/2017.

Địa bàn nghiên cứu: thành phố Đà Nẵng.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

### *5.1. Phương pháp luận nghiên cứu*

Luận văn được trình bày dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về Nhà nước và pháp luật và những quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong thời kỳ đổi mới.

### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:



- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu,...

- Phương pháp so sánh: Được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau, tập chung chủ yếu ở chương 2 của luận văn.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: Được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và được sử dụng tất cả các chương của luận văn.

- Phương pháp phân tích số liệu thứ cấp và phân tích trường hợp được áp dụng chủ yếu trong Chương 2 để làm sáng tỏ thực trạng việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại các cấp Tòa án trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Phương pháp phỏng đoán khoa học được sử dụng chủ yếu trong Chương 3 để đề xuất những giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật.

## **6. Những đóng góp mới của luận văn**

Luận văn này giải quyết những vấn đề lý luận và việc giải quyết các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng phương thức hòa giải từ thực tiễn Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, làm sáng tỏ bản chất, nguyên tắc, điều kiện, thủ tục hòa giải và hiệu lực của Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự tại Tòa án, góp phần vào việc xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật nước ta về hòa giải trong việc giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án.

## **7. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu**

### **7.1. Câu hỏi nghiên cứu**

- Hợp đồng tín dụng là gì? Tranh chấp hợp đồng tín dụng là gì? Có các dạng tranh chấp hợp đồng tín dụng nào?

- Các phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng?

- Thủ tục hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng tòa án có những đặc điểm gì?

- Pháp luật hiện hành của Việt Nam quy định thủ tục hòa giải hợp đồng tín dụng bằng Tòa án như thế nào?

- Thực tiễn hòa giải hợp đồng tín dụng tại Tòa án tại Đà Nẵng?

### **7.2. Giả thuyết nghiên cứu**

Trong những năm qua hoạt động hòa giải hợp đồng tín dụng bằng Tòa án ở Việt Nam nói chung và ở Đà Nẵng nói riêng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Để nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải của Tòa án trong giải quyết các tranh chấp về hợp đồng tín dụng tại Đà Nẵng cần

nhận diện rõ thực trạng tranh chấp hợp đồng tín dụng và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải.

## **8. Cơ cấu của luận văn**

Ngoài mục lục, danh mục các từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo luận văn được kết cấu 3 chương như sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về hòa giải tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.

Chương 2. Thực trạng pháp luật về hòa giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và thực tiễn áp dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng.

# **Chương 1**

## **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN**

### **1.1. Khái niệm hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân**

**Hòa giải** là một chế định quan trọng trong tố tụng dân sự. Là hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự nói chung và vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng. Việc hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó vừa đảm bảo tiết kiệm chi phí cho Nhà nước và công dân, giảm bớt thủ tục tố tụng kéo dài, vừa giải quyết triệt để các mâu thuẫn giữa các đương sự... Do đó, nếu chế định hòa giải không được quan tâm trong việc giải quyết vụ án thì quyền và lợi ích của các bên đương sự sẽ không được bảo đảm.

#### **Đặc điểm của hòa giải:**

Thứ nhất: quyền tự do ý chí, quyền tự định đoạt của các bên tranh chấp vẫn được tôn trọng trong quá trình hòa giải tại Tòa án ( có quyền tự thỏa thuận trong các phiên hòa giải, có quyền chủ động đưa ra các chứng cứ, tài liệu để chứng minh để bảo vệ cho yêu cầu của mình, có quyền thỏa thuận đưa ra phương án giải quyết tranh chấp và Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận đó, các bên tự nguyện thi hành kết quả đã được thỏa thuận, bên khởi kiện có quyền khởi kiện cũng như bên bị kiện có quyền phản tố, trong quá trình giải quyết vụ án bên khởi kiện có quyền bổ sung yêu cầu khởi kiện cũng như rút đơn khởi kiện.

Thứ hai: Quyền tự định đoạt của các bên bị hạn chế ở phạm vi nhất định: khi Tòa án đã thụ lý vụ án kinh doanh thương mại thì hòa giải là một thủ tục tố tụng theo luật định mà các bên sẽ được thông báo để tham gia phiên hòa giải (trừ trường hợp quy định tại Điều 207 BLTTDS năm 2015 Những vụ án không tiến hành hòa giải được). Hòa giải là hình thức giải quyết tranh chấp mà trong đó các bên trong quá trình thương lượng có sự tham gia của bên thứ ba độc lập do hai bên cùng chấp nhận hay chỉ định làm vai trò trung gian để hỗ trợ cho các bên nhằm tìm kiếm những giải pháp thích hợp cho việc giải quyết xung đột nhằm chấm dứt các tranh chấp, mâu thuẫn, bất hòa.

Tranh chấp kinh doanh, thương mại mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng là những mâu thuẫn bất đồng hay xung đột về quyền lợi và

nghĩa vụ giữa các chủ thể phát sinh trong quá trình thực hiện hoạt động kinh doanh, thương mại.

Từ khái niệm Hợp đồng được quy định tại Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015 “*Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”<sup>2</sup>. Có thể định nghĩa Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức tín dụng (bên cho vay) với khách hàng là tổ chức, cá nhân (gọi là bên vay) nhằm xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình chuyển giao, sử dụng tiền vay, thanh toán tiền nợ gốc và lãi vay.

Đặc điểm của HĐTD:

- Về chủ thể: một bên tham gia hợp đồng bao giờ cũng là tổ chức tín dụng có đủ điều kiện luật định (bên cho vay). Còn chủ thể bên kia (bên vay) có thể là tổ chức, cá nhân thỏa mãn những điều kiện vay vốn do pháp luật quy định.

- Về đối tượng: đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng là tiền. Về nguyên tắc, đối tượng của hợp đồng tín dụng bao giờ cũng phải là một số tiền xác định và phải được các bên thỏa thuận, ghi rõ trong văn bản hợp đồng.

- Về tính rủi ro: hợp đồng tín dụng vốn chứa đựng nguy cơ rủi ro rất lớn cho quyền lợi của bên cho vay.

- Về cơ chế thực hiện quyền và nghĩa vụ: trong hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ chuyển giao tiền vay của bên cho vay bao giờ cũng phải được thực hiện trước, làm cơ sở, tiền đề cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay.

Vậy Hòa giải tranh chấp HĐTD là thủ tục tố tụng tiếp ngay sau thủ tục tố tụng đầu tiên là “*khởi kiện và thụ lý vụ án tranh chấp HĐTD*” thủ tục này bao gồm những hoạt động tố tụng mang ý nghĩa rất quan trọng đối với các chủ thể tham gia trong toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án. Cụ thể đối với đương sự: các đương sự có thể thực hiện các quyền tố tụng của họ trong việc đưa ra yêu cầu, phản tố yêu cầu của đương sự khác, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các đương sự được yêu cầu Tòa án ra các quyết định quan trọng như: quyết định áp dụng thay đổi bổ sung các biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án.... Đồng thời đây là thời điểm các đương sự phải thu thập các chứng cứ, tài liệu và cung cấp cho Tòa án để trên cơ sở này tòa án mới có thể bảo vệ quyền và

---

<sup>2</sup> Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015

lợi ích hợp pháp cho họ. Đây cũng là cơ hội để các đương sự có thể bàn bạc thỏa thuận với nhau về cách giải quyết tranh chấp thông qua hoạt động hòa giải có sự tham gia một cách chủ động tích cực của Tòa án.

Đối với Tòa án: hòa giải và chuẩn bị xét xử sơ thẩm có ý nghĩa quan trọng cho toàn bộ tiến trình hoạt động tố tụng tiếp theo của Tòa án (đặc biệt là bước chuẩn bị cần thiết cho hoạt động xét xử tại phiên tòa sơ thẩm (nếu có) trách nhiệm của Tòa án chủ động, tích cực, hướng dẫn và hỗ trợ trong khuôn khổ quy định của pháp luật để các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ, qua đó đảm bảo một cách tốt nhất các quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trước khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, tức là Tòa án áp dụng quy định pháp luật để hòa giải vụ án, nếu hòa giải không thành thì Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án vẫn tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận, nếu thỏa thuận được thì Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, còn không thỏa thuận được thì Tòa án xử, tuyên bản án, nếu bản án không kháng cáo có hiệu lực pháp luật nếu các bên không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế.

*Như vậy, hòa giải HĐTDNH bằng tòa án là một thủ tục được tòa án áp dụng theo quy định của pháp luật TTDS để tổ chức cho các bên tranh chấp HĐTD tự giải quyết tranh chấp của họ dưới sự thúc đẩy và hỗ trợ của thẩm phán được giao giải quyết vụ việc.*

## **1.2. Nguyên tắc của hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân**

1. *Mọi tranh chấp phải được hòa giải:* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 hoặc vụ án được giải quyết theo thủ tục rút gọn.

2. *Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:* không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình;

3. *Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.*

## **1.3. Vai trò của hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân**

*Thứ nhất*, hòa giải là cách thức thể hiện và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân.

*Thứ hai*, hòa giải là cách thức giữ gìn mối quan hệ làm ăn, kinh doanh lâu dài, khôi phục sự thông cảm, tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau giữa các đương sự.

*Thứ ba*, hòa giải là biện pháp tiết kiệm chi phí vật chất, thời gian, công sức của Nhà nước, của xã hội, của các tổ chức kinh tế và của công dân khi giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại.

*Thứ tư*, hòa giải là phương thức tăng cường sự tham gia trực tiếp của các nhà kinh doanh và khả năng kiểm soát của họ đối với quá trình giải quyết vụ án, đối với kết quả của việc giải quyết tranh chấp.

*Thứ năm*, hòa giải tạo điều kiện cho các bên tranh chấp giữ gìn bí mật kinh tế, bí quyết kinh doanh, kiểm soát được việc nghiên cứu và sử dụng các tài liệu, chứng cứ giúp giải quyết các tranh chấp.

*Thứ sáu*, hòa giải góp phần vào việc phổ biến, giải thích pháp luật của Tòa án, góp phần làm lành mạnh các quan hệ kinh tế - xã hội, ngăn ngừa các vụ kiện tương tự xảy ra trong tương lai.

*Thứ bảy*, hòa giải thành là một sự bảo đảm cho việc thi hành nghiêm chỉnh, nhanh gọn các quyết định của Tòa án.

#### **1.4. Yêu cầu và các yếu tố tác động đến thủ tục hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân**

##### ***1.4.1. Yêu cầu của hòa giải trong vụ án hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân.***

*Thứ nhất*, hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cần phải bảo đảm quyền bình đẳng và quyền tự định đoạt của các bên có tranh chấp trong quá trình giải quyết tranh chấp theo quy định pháp luật.

*Thứ hai*, hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân phải giải quyết tranh chấp kịp thời, triệt để và phù hợp pháp luật để các bên có tranh chấp có thể nhanh chóng tiếp tục hoạt động, sản xuất, kinh doanh bình thường.

*Thứ ba*, hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cần phải giữ gìn được bí mật kinh doanh, bí quyết công nghệ cũng như uy tín trên thương trường của các bên có tranh chấp, phục hồi và giữ gìn các mối quan hệ hợp tác tin tưởng vốn có giữa các bên.

*Thứ tư*, hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cần phải tiết kiệm chi phí công sức, thời gian tài chính cho đương sự

cũng như cho Nhà nước, xã hội.

*Thứ năm*, hòa giải trong vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân cần phải góp phần phổ biến pháp luật không những cho đương sự liên quan đến việc tranh chấp mà còn cho các chủ thể kinh doanh thương mại khác nắm được, từ đó lành mạnh hóa các quan hệ kinh tế-xã hội, giúp ngăn ngừa các tranh chấp kinh doanh thương mại tương tự có thể xảy ra góp phần xây dựng một xã hội pháp trị.

#### ***1.4.2. Các yếu tố tác động đến thủ tục hòa giải trong vụ án hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân***

*Thứ nhất*, quy định của pháp luật hiện hành việc giải quyết một vụ án kinh doanh thương mại cụ thể hay bất cứ một vụ án nào khác tại Tòa án nhân dân thì về mặt pháp luật đầu tiên phải tuân theo cũng như phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như hiến pháp, Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, luật thương mại, luật doanh nghiệp, luật các tổ chức tín dụng... mà chính yếu nhất là Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Thứ hai*, năng lực của người tiến hành tố tụng, cụ thể là Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân, đầu tiên là người Thẩm phán - chủ trì phiên hòa giải cần phải có kiến thức pháp luật, chuyên môn cao, am hiểu tường tận mọi vấn đề của vụ án, hiểu rõ yêu cầu của người khởi kiện cũng như các kiến thức xã hội tổng quát để hướng các đương sự đến việc hòa giải thành.

*Thứ ba*, tính chất phức tạp của vụ án: Nếu một vụ án có nhiều tình tiết phức tạp nhiều người tham gia tố tụng thì tất nhiên thời gian giải quyết vụ án sẽ kéo dài cũng như công tác hòa giải sẽ gặp nhiều khó khăn, Thẩm phán, thư ký sẽ tốn nhiều thời gian, công sức trí tuệ để lấy lời khai, thu thập chứng cứ cũng như triệu tập đương sự đến tòa án bởi vì chỉ cần thiếu lời khai, chứng cứ hay thiếu người tham gia tố tụng thì buổi hòa giải sẽ khó mà tiến hành chứ chưa kể đến việc hòa giải thành.

*Thứ tư*, sự hợp tác của đương sự

## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI VỤ ÁN TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

### **2.1. Quy định pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng bằng tố tụng tòa án.**

Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo hai cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm.

Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trừ những tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hoặc Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh lấy lên để giải quyết.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục phúc thẩm các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được xét xử sơ thẩm ở Tòa cấp huyện mà bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

#### **2.1.1 Hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án**

##### ***Hòa giải trước phiên tòa:***

*Thứ nhất*, về nguyên tắc tiến hành hòa giải: Khi giải quyết bất cứ vụ án nào thì những người tiến hành tố tụng cũng phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, trừ những vụ án không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc hòa giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được tiến hành theo nguyên tắc được quy định tại Điều 205:

Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình, đồng thời nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức



xã hội”<sup>3</sup>. Như vậy nguyên tắc tiến hành hòa giải cũng phù hợp với nguyên tắc hòa giải được quy định tại Điều 12 của Bộ luật dân sự: trong quan hệ dân sự việc hòa giải giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật được khuyến khích, không ai được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực khi tham gia quan hệ dân sự, giải quyết các tranh chấp dân sự.

*Thứ hai*, các vụ án không được hòa giải và các vụ án không tiến hành hòa giải được, không phải bất cứ vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nào Tòa án cũng tiến hành hòa giải được. Theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 những vụ án dân sự không được hòa giải gồm: Một là yêu cầu đòi bồi thường vì lý do gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Hai là Những vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự vi phạm điều cấm của luật hoặc trái đạo đức xã hội.

*Thứ ba*, thành phần tham gia phiên hòa giải bao gồm: Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải, thư ký tòa án ghi biên bản hòa giải, các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự, người phiên dịch trong trường hợp đương sự không biết tiếng Việt. Trong vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành hòa giải và việc tiến hành hòa giải đó không ảnh hưởng đến quyền nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thẩm phán tiến hành hòa giải giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì thẩm phán phải hoãn phiên hòa giải theo quy định tại Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Thứ tư*, nội dung hòa giải: khi tiến hành hòa giải thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án quy định tại điểm a khoản 4 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Thứ năm*, trình tự thủ tục phiên hòa giải: Thủ tục phiên hòa giải trước phiên tòa các vụ án kinh doanh thương mại cũng như các vụ án dân sự nói chung được tiến hành trong thời gian chuẩn bị xét xử, tức là sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án và trước khi đưa vụ án ra xét xử.

#### ***Hòa giải trong phiên xét xử:***

Khi không thể giải quyết vụ án kinh doanh thương mại bằng thủ tục hòa giải trước khi mở phiên tòa, thẩm phán phải ra quyết định đưa vụ tranh chấp ra xét xử. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là khả năng giải quyết vụ tranh chấp bằng hòa giải đã bị khép lại. Trong phiên tòa sơ

---

<sup>3</sup>Điều 205 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

thẩm, hội đồng xét xử vẫn tạo điều kiện cho các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

**2.2 Thực tiễn áp dụng pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.**



*Bảng 2.1. Số lượng giải quyết vụ án trong kinh doanh thương mại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng từ 2013 đến 2017 (cấp sơ thẩm)*

Quận Năm	Hải Châu		Thanh Khê		Sơn Trà		Liên Chiểu		Cẩm Lệ		Hòa Vang		Ngũ Hành Sơn			Tổng cộng	
	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(1)	(2)	(3)
2013	100	39	50	30	25	5	30	10	26	5	10	9	18	5	259	103	39,76%
2014	153	49	94	50	46	17	55	25	46	29	25	9	25	10	444	189	42.56%
2015	149	45	111	55	59	12	34	16	46	19	31	16	18	9	448	172	38.39%
2016	157	56	71	28	29	14	24	10	38	19	20	10	17	8	356	145	40.73%
2017	135	14	61	17	20	5	24	5	38	6	20	5	17	5	315	57	18.09%

Nguồn: Báo cáo của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng qua các năm

Chú thích (1): Số án giải quyết; (2): Số án hòa giải thành (3): Tỷ lệ hòa giải thành/giải quyết

Theo đánh giá chung công tác giải quyết, xét xử các vụ án kinh doanh thương mại của Tòa án hai cấp TP Đà Nẵng trong năm năm qua đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng cũng như áp dụng đúng các quy định của pháp luật. Công tác giải quyết, xét xử các loại án của TAND hai cấp thành phố từ năm 2013 đến năm 2017 đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, giải quyết trong thời hạn pháp luật quy định.

**Bảng 2.2 Số lượng án tranh chấp hợp đồng tín dụng được giải quyết tại cấp phúc thẩm**

Năm	Thụ lý	Giải quyết	Hòa giải thành	Tỷ lệ hòa giải thành/giải quyết
2013	20	20	10	50%
2014	18	18	03	16,67%
2015	14	14	00	0%
2016	15	15	01	7%
2017	15	15	01	7%

Nguồn: số liệu từ Báo cáo qua các năm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Từ các số liệu thống kê trên ta có thể rút ra một số điểm như sau:

Hiện nay số lượng tranh chấp giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn khá cao so với các loại tranh chấp hợp đồng khác được giải quyết tại tòa án, tranh chấp HĐTD có chiều hướng gia tăng rõ rệt. Trong các năm từ năm 2013 đến 2017 tổng số thụ lý tranh chấp HĐTD chiếm gần như 90% trên tổng số án kinh doanh thương mại. Sự gia tăng này một mặt phản ánh đúng thực trạng tranh chấp hiện nay, một số năm trở lại đây tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, lãi suất cho vay liên tục ở mức cao, thời gian vay vốn ngắn cũng khiến các doanh nghiệp khó quay vòng vốn để trả nợ đúng hạn dẫn đến vi phạm HĐTD.

Việc hòa giải thành chỉ ở Tòa quận huyện, vì quận huyện ít án phức tạp, đương sự và tài sản ở trên địa bàn (không ở nước ngoài) nên hầu hết các đương sự hợp tác đến hòa giải, nên kết quả hòa giải thành cao, còn ở Tòa thành phố tỷ lệ hòa giải thành thường là rất thấp, năm 2015 không hòa giải thành được vụ nào. Nguyên nhân án sơ thẩm ở Tòa Thành phố giải quyết là vụ án có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài

hoặc cần ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài vì vậy không thể hòa giải thành được, vì rất ít trường hợp có mặt đương sự tại tòa án để hòa giải.

Để làm rõ hơn tình hình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, sau đây là ví dụ cụ thể về bản án tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hòa giải thành và ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

### **2.3. Đánh giá hoạt động áp dụng pháp luật về hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng**

Qua thực trạng hoạt động hòa giải vụ án tranh chấp HĐTD, cho thấy nổi lên những vấn đề sau:

Thứ nhất, nhìn ở bình diện chung, hoạt động hòa giải tại các cấp tòa án có tỷ lệ vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng được hòa giải thành ở Tòa án cấp sơ thẩm cao hơn cấp phúc thẩm. (Năm 2013 cấp sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 39,76%, cấp phúc thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 50%, Năm 2014 cấp sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 42,56%, cấp phúc thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 16,67%, Năm 2015 cấp sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 38,39%, cấp phúc thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 0%, Năm 2016 cấp sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 40,73%, cấp phúc thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 7%, Năm 2017 cấp sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 18,09%, cấp phúc thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ 7%, Số lượng vụ án được giải quyết cũng như hòa giải thành tập trung nhiều ở Tòa án các quận huyện của thành phố Đà Nẵng.

Có được các thành công này là do:

- Các thẩm phán, thư ký tòa án, hội thẩm nhân dân nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác hòa giải trong việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng cũng như ý thức tự nguyện tự giác của các đương sự. Các thẩm phán đã luôn luôn cố gắng hết sức mình để hòa giải thành vụ án kinh doanh thương mại nói chung và vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng, nếu như thấy việc giải quyết vụ án còn có khả năng hòa giải. Phần lớn các thẩm phán đều có thái độ đúng mực, nhã nhặn, khôn khéo tôn trọng ý chí của các đương sự trong quá trình hòa giải nên đã tạo ra môi trường thuận lợi cho quá trình hòa giải và làm cho hòa giải đạt được kết quả mỹ mãn. Thực tiễn hòa giải các vụ án KDTM trong những năm vừa qua cho thấy kết quả của việc hòa giải thành phụ thuộc vào năng lực, trình độ cũng như kinh nghiệm của người

của thẩm phán. Ở đâu có những thẩm phán giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm sống cũng như hiểu biết các lĩnh vực kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật tâm lý học ...thì ở đó tỷ lệ hòa giải thành các vụ án sẽ cao.

- Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành về thẩm quyền, trình tự, cách thức giải quyết vụ án KDTM đã góp phần giúp cho công tác giải quyết các vụ án KDTM tương đối chặt chẽ, khoa học

Thứ hai, bên cạnh những thành công, hoạt động hòa giải các tranh chấp HĐTD tại các cấp tòa án vẫn còn những hạn chế, cụ thể:

- Các quy định pháp luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án KDTM vẫn còn những điểm chưa phù hợp, đặc biệt là quy định hòa giải ở cấp tỉnh. Theo đó số vụ án được thụ lý và giải quyết sơ thẩm ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh nói chung là thấp, do đó số vụ án được hòa giải thành cũng thấp. Đối với các vụ án phức tạp được giải quyết ở Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì Tòa án không tổ chức phiên hòa giải trước khi xét xử, khi đưa vụ án ra xét xử thì rất khó để các đương sự có thể thỏa thuận với nhau tại phiên tòa.

Nếu Tòa cấp tỉnh xử sơ thẩm thì án sơ thẩm hòa giải thành đạt tỷ lệ rất thấp (bảng 2.2 luận văn này) năm 2015 không hòa giải thành vụ nào, vì án sơ thẩm thuộc thẩm quyền của tòa cấp tỉnh là án có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, mà đương sự ở nước ngoài thường thì họ làm đơn xin xét xử vắng mặt, đương sự vắng mặt thì không hòa giải được, mặc khác giá trị tài sản tranh chấp lớn, tính chất vụ án phức tạp nên rất khó hòa giải thành một vụ án sơ thẩm về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng tại tòa án cấp tỉnh.

- Vẫn còn một số vụ án không hòa giải thành ở Tòa án cấp huyện, phải đưa ra xét xử sơ thẩm, sau đó các đương sự kháng cáo và Tòa án cấp tỉnh xét xử phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm. Từ đó dẫn đến việc kéo dài vụ án hao tổn công sức tiền bạc thời gian của đương sự Tòa án cũng như nhà nước, xã hội. Mặt khác, quy định về phương pháp hòa giải cũng như ở nội dung hòa giải của Tòa án có những điều bất cập và không hợp lý. Như đã phân tích ở trên, mặc dù Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định chi tiết trình tự, thủ tục giải quyết cũng như hòa giải vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên pháp luật hiện hành chưa quy định việc hòa giải ở Tòa án phải được thực hiện theo phương pháp như thế nào, gồm những bước gì. Các thẩm phán thường tiến hành hoạt động hòa giải vụ án KDTM theo những thông lệ xét xử và kinh

nghiệm thực tế của bản thân. Chính vì vậy, hoạt động hòa giải các vụ án KDTM của một số Tòa dễ dẫn đến sai lầm theo chủ nghĩa kinh nghiệm.

Trong thực tiễn, quá trình giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với thủ tục hòa giải còn có một số thiếu sót phổ biến như: xác định sai tư cách người tham gia tố tụng, nghiên cứu chưa sâu các tình tiết giải quyết vụ án, phân tích, đánh giá chứng cứ không chính xác dẫn đến việc công nhận những thỏa thuận hoặc hợp đồng không hợp pháp.

Nguyên nhân của các hạn chế, bất cập:

Các quy định của pháp luật hiện hành vẫn còn nhiều hạn chế bất cập, dẫn đến việc giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn một số điểm chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Khi Tòa án giải quyết một vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thì căn cứ đầu tiên để giải quyết là quy định pháp luật trong lĩnh vực hợp đồng tín dụng từ Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, luật các tổ chức tín dụng, luật thương mại, luật doanh nghiệp... Do đó muốn nâng cao hiệu quả hòa giải trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thì đầu tiên phải có các biện pháp để hoàn thiện pháp luật.

Từ thực tiễn giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có thể thấy vẫn còn một số lượng vụ án không được hòa giải thành ở Tòa án cấp sơ thẩm, phải đưa ra xét xử sau đó có kháng cáo, kháng nghị và vụ án phải tiếp tục được xét xử phúc thẩm. Khi xét xử phúc thẩm, nhiều bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã bị cải sửa không chỉ về mặt nội dung mà còn về mặt hình thức, nhiều vụ án còn bị hủy để xét xử lại, một số trường hợp đặc biệt còn bị giám đốc thẩm và tái thẩm. Từ các hạn chế đó dẫn đến việc vụ án kéo dài, gây mất thời gian công sức tiền bạc của các bên đương sự, Tòa án, Nhà nước và xã hội. Có thể thấy chỉ cần vụ án được hòa giải thành ở cấp sơ thẩm thì đã có lợi cho các bên rất nhiều. Nhìn từ số liệu các vụ án KDTM được hòa giải thành ở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân các quận huyện của thành phố Đà Nẵng thì cũng còn một tỷ lệ tương đối các vụ án không được hòa giải thành trên 50%. Tất nhiên trong tỷ lệ này cũng bao gồm số vụ án Đình chỉ, tạm Đình chỉ, chuyển vụ án... và số lượng vụ án KDTM phải đưa ra xét xử chiếm một tỷ lệ tương đối cao.

Nguồn nhân lực để giải quyết vụ án KDTM: về số lượng, Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chỉ có 03 thẩm phán, trong đó 01 thẩm phán kiêm nhiệm Chánh Tòa kinh tế, 01 thẩm phán kiêm nhiệm



Phó chánh Tòa kinh tế và 01 thẩm phán cùng với đó đội ngũ thư ký thì có 03 cán bộ. Đối với Tòa án nhân dân các quận huyện của thành phố Đà Nẵng thì các thẩm phán thì không phải chuyên trách đối với án KDTM mà còn phải xử lý các loại án khác như: án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính... Như vậy có thể thấy nguồn nhân lực để giải quyết các vụ án KDTM của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng còn hạn chế. Do đó khó có thể đảm bảo chất lượng xét xử cũng như kết quả hòa giải thành các vụ án KDTM được.

Về ý thức, kiến thức pháp luật của các đương sự trong vụ án như đã phân tích ở mục 1.4.2. Các yếu tố tác động hòa giải trong vụ án hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân, sự phối hợp của đương sự ảnh hưởng rất lớn đến việc này. Nếu như đương sự không hợp tác, không chịu nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không hợp tác với tòa án, triệu tập không đến tòa, vì vậy không có bản trình bày hoặc không tham gia phiên hòa giải... nói chung là làm khó Tòa án thì vụ án sẽ rất khó được giải quyết theo đúng quy định.

Tình hình phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay: Việt Nam hiện nay là thành viên của tổ chức thương mại quốc tế WTO và Việt Nam đã ký kết chính thức Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), khi tham gia vào các hiệp định thương mại quốc tế này các nước phải cam kết xóa bỏ các loại thuế và rào cản cho hàng hóa, dịch vụ xuất nhập khẩu giữa các thành viên, hàng hóa các nước thành viên sẽ được tự do lưu thông, từ đó tất nhiên sẽ phát sinh nhiều tranh chấp KDTM không chỉ về số lượng các tranh chấp mà mức độ phức tạp các tranh chấp cũng tăng lên, đặc biệt là các tranh chấp liên quan đến yếu tố nước ngoài. Do đó nó cũng ảnh hưởng phần nào đến chất lượng giải quyết vụ án KDTM cũng như công tác hòa giải vụ án KDTM tại TAND ở Việt Nam.

Hạn chế là do trình độ năng lực của một số thẩm phán chưa cao, chưa vững chuyên môn, cũng như chưa chuyên sâu các lĩnh vực cần giải quyết trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, chưa nắm bắt kịp thời các văn bản pháp luật nên đôi lúc trong hòa giải còn lúng túng, dẫn đến tỷ lệ hòa giải chưa cao.

## Chương 3

### GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HÒA GIẢI CÁC TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

#### 3.1. Quan điểm và phương hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng

Hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong các vụ án KDTM mà cụ thể là tranh chấp HĐTD phải trên cơ sở quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng và chiến lược xây dựng pháp luật của Nhà nước về giải quyết tranh chấp trong các vụ án KDTM tại Tòa án nhân dân. Điều này hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị ngày 02 tháng 6 năm 2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định: *“khuyến khích giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài; Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó”*<sup>1</sup>

Hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong các vụ án KDTM mà cụ thể là tranh chấp HĐTD phải phù hợp với pháp luật hiện hành như Hiến pháp, bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hoàn thiện pháp luật về hòa giải trong các vụ án KDTM mà cụ thể là tranh chấp HĐTD phải phù hợp với thực tiễn đặt ra, không chỉ ở Việt Nam, mà còn phải phù hợp với các nước trên thế giới.

Quy định pháp luật hiện hành về giải quyết các tranh chấp HĐTD tại Tòa án nhân dân cũng đã tương đối ổn định, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế bất cập cần phải sửa đổi để phù hợp hơn, nhất là trong thời đại hiện nay, số lượng các tranh chấp HĐTD cũng như mức độ phức tạp của các tranh chấp đó ngày càng tăng. Điều này phù hợp với thực tế bởi Việt Nam đang dần hoàn thiện thể chế pháp luật để hòa nhập với thế giới.

Trong các phương thức giải quyết tranh chấp KDTM tại Việt Nam thì phương thức giải quyết tại Tòa án nhân dân là phương thức giải quyết hiệu quả và được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Tại Việt Nam thực tiễn hòa giải vụ án KDTM tại Tòa án nhân dân còn nhiều bất cập, cần tiếp tục được bổ sung, thay đổi và hoàn thiện sao cho phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội không chỉ ở trong nước mà còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội trên thế giới đặc biệt là các nước trong cộng đồng ASEAN (AC), các nước ký Hiệp định đối tác kinh tế xuyên

---

<sup>1</sup>Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị ngày 02 tháng 6 năm 2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020

Thái Bình Dương (TPP), các nước là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO. Từ đó tạo niềm tin cho các doanh nghiệp trong nước cũng như ngoài nước.

### **3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng**

*Thứ nhất*, về tiến hành hòa giải ở Tòa án cấp phúc thẩm

*Thứ hai*, về quy định tại Khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về trường hợp không hòa giải được do vắng mặt đương sự vì lý do chính đáng, pháp luật không quy định thế nào là lý do chính đáng nên mỗi Tòa án áp dụng một cách chủ quan, máy móc, không thống nhất được với nhau. Do vậy pháp luật cần bổ sung thêm điều khoản về lý do chính đáng. Đối với hòa giải kinh doanh thương mại nên bỏ phần lý do chính đáng bởi vì thời hạn xét xử vụ án kinh doanh thương mại ngắn, theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử là 02 tháng, gia hạn không quá 01 tháng) nếu mỗi bên đều tạo ra lý do chính đáng đề trì hoãn phiên hòa giải sẽ dẫn đến Tòa án vi phạm tố tụng. Pháp luật không quy định rõ thế nào là lý do chính đáng nên các bên tranh chấp tự cho rằng lý do này là chính đáng để kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia vậy pháp luật cần bổ sung: “Trong vụ án kinh doanh thương mại đương sự vắng mặt hai lần trừ trường hợp chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự đều thuộc trường hợp hòa giải không được” và coi như đương sự từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

*Qua thực tiễn xét xử, Tòa án nhân dân 2 cấp thành phố Đà Nẵng tổng kết một số vướng mắc như sau:*

*Thứ nhất*, bất cập phát sinh từ việc Tổ chức tín dụng không thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các bên liên quan về nội dung bán nợ giữa Tổ chức tín dụng và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (gọi tắt là VAMC).

*Thứ hai*, đối với hợp đồng thế chấp có đối tượng thế chấp là quyền đòi nợ. Tuy nhiên, trong quá trình nhận thế chấp là quyền đòi nợ, một số ngân hàng thường không kiểm soát được quyền đòi nợ. Có trường hợp ngân hàng không tiến hành xác minh có tồn tại trên thực tế quyền đòi nợ hay không, hoặc quyền đòi nợ có còn tồn tại tại thời điểm khởi kiện ra Tòa hay không, hay trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, quyền đòi nợ đó có bị suy giảm giá trị hay các bên đã thanh toán nợ cho nhau chưa... mà chủ yếu chỉ dựa vào hợp đồng giữa các bên để chấp nhận

việc thế chấp quyền đòi nợ. Đến khi vụ việc được Tòa án đưa ra xét xử, các ngân hàng thường ở thế bị động, không nắm được cụ thể thông tin của quyền đòi nợ dẫn đến một số trường hợp, các bên đã thanh toán cho nhau nhưng ngân hàng không biết hoặc không nắm được quyền đòi nợ có tồn tại trên thực tế hay không.

*Thứ ba*, việc thế chấp cần phải tiến hành xem xét, thẩm định thực tế tài sản thế chấp.

*Thứ tư*, ngân hàng không được tính lãi chồng lãi

### **3.3. Các giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải các tranh chấp hợp đồng tín dụng**

*Một là*, khi các tổ chức tín dụng bán nợ thì các tổ chức tín dụng phải thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm và các bên liên quan về nội dung bán nợ.

*Hai là*, các ngân hàng khi nhận thế chấp quyền đòi nợ cần phải xác minh cụ thể quyền đòi nợ có tồn tại và còn nguyên giá trị hay không?

*Ba là*, việc thế chấp cần phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xem xét thực tế tài sản thế chấp ai đang quản lý sử dụng, nhằm tránh trường hợp tài sản của một người, người khác đem thế chấp.

*Bốn là*, ngân hàng không được tính lãi chồng lãi

*Năm là*, các ngân hàng khi cung cấp tín dụng có bảo đảm cần nắm rõ đối tượng của giao dịch bảo đảm về giá trị, về khả năng tài chính ...

*Sáu là*, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giải quyết các vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng ở Tòa án nhân dân.

*Bảy là*, chú trọng và tăng cường tuyên truyền pháp luật đến mọi người dân, đặc biệt là các doanh nhân, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh, thương mại.

*Tám là*, cần thường xuyên cung cấp những văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành trong lĩnh vực giải quyết các án kinh doanh thương mại cho tất cả cán bộ trong Tòa án nhân dân các cấp, giới thiệu văn bản pháp luật chuyên ngành và văn bản pháp luật có liên quan. Đối với người dân đến Tòa án liên hệ thì cần phát hành các tạp chí tìm hiểu, hỏi đáp pháp luật miễn phí cho họ, niêm yết các thủ tục, văn bản pháp luật cần thiết để người dân có thể tự tìm hiểu pháp luật một cách chủ động hơn. Đồng thời, tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua lực lượng chi đoàn thanh niên cũng góp phần chuyển tải một số quy định của pháp luật đến người dân một cách nhanh nhất.

*Chín là*, tổ chức học tập kinh nghiệm giải quyết vụ án kinh doanh thương mại ở các nước trên thế giới.. Những thành công và kinh nghiệm

về hòa giải tranh chấp kinh doanh, thương mại của tòa án các nước có thể được lựa chọn và áp dụng một cách phù hợp vào điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam, vì chúng ta đang từng bước xây dựng và hoàn thiện một khung pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính sách pháp luật về kinh tế thương mại nói chung và chính sách, pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại nói riêng cần phải tương thích và phù hợp với chính sách và pháp luật về kinh tế và thương mại của các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Do đó Nhà nước, Tòa án nhân dân các cấp cần phải thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm với Tòa án các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Để từ đó ngày càng hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả hòa giải trong các vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân nước ta.